



xiàng zi

巷子

noun · alley; lane

Example Sentences

Zhè tiáo xiàng zi hěn zhǎi zhǐ néng yī ge rén tōng guò
这条巷子很窄，只能一个人通过。

This alley is very narrow; only one person can pass through.

Xiàng zi jìn tóu yǒu yī jiā lǎo chá guǎn shēng yì hěn hǎo
巷子尽头有一家老茶馆，生意很好。

At the end of the alley there is an old tea house with good business.

Trace each character, then write the word on your own.

巷	巷	巷	巷	巷	巷	巷	巷	巷	巷	巷
巷										

子	子	子	子	子	子					
